

SỞ Y TẾ TỈNH GIA LAI
BỆNH VIỆN ĐKKV BỒNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BVBS-VTTBYT
V/v yêu cầu báo giá kiểm định, hiệu
chuẩn, thử nghiệm thiết bị y tế

Bồng Sơn, ngày tháng 7 năm 2026

Kính gửi: Các đơn vị kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm thiết bị y tế

Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu cung cấp dịch vụ Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm thiết bị y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn

Địa chỉ: 2699 Quang Trung, Phường Bồng Sơn, Tỉnh Gia Lai.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Bà Nguyễn Thị Hậu Huỳnh - Nhân viên Bộ phận Văn thư, Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn

Điện thoại: 02563.661.639

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại địa chỉ:

Phòng Văn thư, Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn

2699 Quang Trung, Phường Bồng Sơn, Tỉnh Gia Lai.

Ngoài bì ghi rõ: “Báo giá cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm thiết bị y tế, không mở trước 10h00 ngày 17 tháng 7 năm 2026”

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 8 tháng 7 năm 2026 đến trước 10h00 ngày 17 tháng 7 năm 2026.

Các báo giá không thể hiện đầy đủ nội dung theo yêu cầu của công văn mời và nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 17 tháng 7 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục thiết bị, số lượng và nội dung thực hiện như sau:

STT	TÊN THIẾT BỊ	MODEL/SN	ĐVT	SL	NỘI DUNG THỰC HIỆN
1	Pipet Piston (10μ - 100μ)	Model: Piston Seri: YE173AB0047034; YE173AB0047031	Cái	02	Hiệu chuẩn thể tích: 10μ, 50μ, 100μ
2	Pipet Piston (5μ - 50μ)	Model: Piston Seri: YE173AG0010394	Cái	01	Hiệu chuẩn thể tích: 5μ, 25μ, 50μ
3	Pipet Piston (100μ - 1000μ)	Model: Piston Seri: YE17AAG0036978	Cái	01	Hiệu chuẩn thể tích: 100μ, 500μ, 1000μ
4	Pipet Piston (20μ - 200μ)	Model: Piston Seri: YE174AB0068187	Cái	01	Hiệu chuẩn thể tích: 20μ, 100μ, 200μ
5	Nhiệt ẩm kế	Model: BT-3	Cái	05	Hiệu chuẩn nhiệt độ: 2°C, 5°C, 8°C
6	Nhiệt ẩm kế	Model: RC-4	Cái	05	Hiệu chuẩn nhiệt độ: - 17°C, - 20°C, - 23°C
7	Nhiệt ẩm kế Tanita	Model: TT-513	Cái	04	Hiệu chuẩn: + Độ ẩm: 45°C, 60°C, 74°C + Nhiệt độ: 22°C, 25°C, 28°C
8	Tủ lạnh bảo quản HITACHI	Model: R-180J Seri: 4100800007	Cái	01	Hiệu chuẩn: + Ngăn mát: nhiệt độ 2°C, 5°C, 8°C + Ngăn đông: nhiệt độ - 17°C, - 20°C, - 23°C
9	Tủ lạnh bảo quản HITACHI	Model: R-15A3BK Seri: 2460800404	Cái	01	Hiệu chuẩn: + Ngăn mát: nhiệt độ 2°C, 5°C, 8°C + Ngăn đông: nhiệt độ - 17°C, - 20°C, - 23°C
10	Tủ lạnh bảo quản HITACHI	Model: R-22AG4 Seri: 2140900006	Cái	01	Hiệu chuẩn: + Ngăn mát: nhiệt độ 2°C, 5°C, 8°C + Ngăn đông: nhiệt độ - 17°C, - 20°C, - 23°C

STT	TÊN THIẾT BỊ	MODEL/SN	ĐVT	SL	NỘI DUNG THỰC HIỆN
11	Tủ lạnh bảo quản	Model: GN-L185PS Seri: 703INQU38644	Cái	01	Hiệu chuẩn: + Ngăn mát: nhiệt độ 2°C, 5°C, 8°C + Ngăn đông: nhiệt độ - 17°C, - 20°C, - 23°C
12	Tủ lạnh lưu trữ máu SANYO	Model: MBR-107D Seri: 80301930	Cái	01	Hiệu chuẩn nhiệt độ: 2°C, 4°C, 6°C
13	Tủ lạnh bảo quản bệnh phẩm	Model: MPR-215F-PE Seri: 15010018	Cái	01	Hiệu chuẩn: + Ngăn mát: nhiệt độ 2°C, 5°C, 8°C + Ngăn đông: nhiệt độ - 17°C, - 20°C, - 23°C
14	Tủ lạnh lưu trữ máu	Model: HXC-158 Seri: BE06LDE1T00QJL AS0008	Cái	01	Hiệu chuẩn nhiệt độ: 2°C, 4°C, 6°C
15	Máy ly tâm máu	Model: 80-2	Cái	01	Hiệu chuẩn vòng quay: 950, 1000, 1050
16	Máy ly tâm để bàn	Model: Rotofix 32A Seri: 0030066-04; 0030080-04; 0030076-04	Cái	03	Hiệu chuẩn vòng quay: 2800, 3000, 3200
17	Tủ an toàn sinh học ESCO	Model: LA2-5A1 Seri: 2007-24814	Cái	01	Thử nghiệm các nội dung sau: 1. Tốc độ dòng khí hút vào tủ. 2. Tốc độ dòng khí thổi xuống. 3. Thử nghiệm hình thái dòng khí. 4. Độ ồn 5. Độ rò rỉ của bộ lọc HEPA. 6. Độ rọi bề mặt làm việc 7. Cường độ ánh sáng tím (cường độ tia cực tím UV).
18	Tủ an toàn sinh học cấp 1	Model: BSC-1 Seri: 461218/36	Cái	01	Thử nghiệm các nội dung sau:

STT	TÊN THIẾT BỊ	MODEL/SN	ĐVT	SL	NỘI DUNG THỰC HIỆN
					1. Tốc độ dòng khí hút vào tủ. 2. Tốc độ dòng khí thổi xuống. 3. Thử nghiệm hình thái dòng khí. 4. Độ ồn 5. Độ rò rỉ của bộ lọc HEPA. 6. Độ rọi bề mặt làm việc 7. Cường độ ánh sáng tím (cường độ tia cực tím UV).
19	Tủ cấy an toàn sinh học	Model: JSCB-1500SB Seri: 140818-30	Cái	01	Thử nghiệm các nội dung sau: 1. Tốc độ dòng khí hút vào tủ. 2. Tốc độ dòng khí thổi xuống. 3. Thử nghiệm hình thái dòng khí. 4. Độ ồn 5. Độ rò rỉ của bộ lọc HEPA. 6. Độ rọi bề mặt làm việc 7. Cường độ ánh sáng tím (cường độ tia cực tím UV).
20	Tủ đông 2 nắp dỡ	Model: BCD-3068C Seri: 10518FR10845	Cái	01	Hiệu chuẩn: + Ngăn mát: nhiệt độ 2°C, 5°C, 8°C + Ngăn đông: nhiệt độ - 17°C, - 20°C, - 23°C
21	Tủ sấy Memmert	Model: TV400 Seri: A494.0180	Cái	01	Hiệu chuẩn nhiệt độ: 165°C, 170°C, 175°C
22	Tủ ấm contherm	Model: 1200 Seri: 97666	Cái	01	Hiệu chuẩn nhiệt độ: 36°C, 37°C, 38°C

STT	TÊN THIẾT BỊ	MODEL/SN	ĐVT	SL	NỘI DUNG THỰC HIỆN
23	Nồi hấp điện loại 50-70 lít	Model: HVE-50 Seri: 30619030311, 30619030312	Cái	02	Kiểm định nhiệt độ: 117°C, 121°C, 125°C
24	Huyết áp kế		Cái	50	Kiểm định
25	Máy thở NCPAP	Model: NCPAP Seri: 59321-0775	Cái	01	Kiểm định an toàn và tính năng kỹ thuật

2. Các yêu cầu:

- Địa điểm thực hiện: tại Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn.
- Yêu cầu: Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm thiết bị y tế của danh mục nêu trên theo quy định.
- Giá cả: Đơn giá trong bảng giá bao gồm cả thuế phí các loại, chi phí nhân công, chi phí đi lại ăn ở của các kỹ sư và kỹ thuật viên đến để thực hiện công việc.

3. Thời gian thực hiện hợp đồng: trong vòng 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Xin cảm ơn sự quan tâm của các tổ chức, đơn vị, cơ sở kinh doanh.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Bệnh viện;
- Trang TTĐT Bệnh viện;
- Cổng thông tin Bộ Y tế
(<https://chaogiatbtyt.moh.gov.vn/>);
- Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia
(<https://muasamcong.gov.vn/>);
- Lưu: VT, VTTBYT.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phan Công Định